

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

Nguyên Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị M; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Xóm Phia Đén, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- **Bị đơn:** Anh La Văn H; Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Xóm Phia Đén, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh La Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị M và anh La Văn H cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị M và anh H cùng xác nhận anh, chị không có con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị M và anh H cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng tạo lập được tài sản chung gồm:

+ Mua một máy xát dong loại máy cũ đã qua sử dụng, không có nhãn hiệu, trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

+ Mua một đầu nổ đã qua sử dụng, không có nhãn hiệu, trị giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Ngoài ra hai vợ chồng thuê mức đất một nền nhà và một thửa ruộng to (đất của anh H có trước thời kỳ hôn nhân) số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Tổng giá trị hai máy và tiền thuê mức đất là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Chị M và anh H cùng thống nhất sau khi ly hôn, anh H được trực tiếp quản lý, sử dụng một máy xát dong và một đầu nổ. Anh H có trách nhiệm thanh toán khoản tiền chênh lệch về tài sản chung và tiền công mức đất cho chị M số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), thanh toán một lần, thời hạn thanh toán trước ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Về nợ chung: Chị M và anh H cùng xác nhận anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị M là cá nhân thuộc hộ nghèo, anh La Văn H là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị M và anh H đều có đơn xin miễn nộp tiền án phí Tòa án nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã Thành Công;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nông Thanh Chuyên